

ẢNH HƯỞNG PHẬT GIÁO

qua

TRUYỆN KIỀU

Đông Minh

Từ khoảng thế kỷ thứ V trước công nguyên đến nay, Khổng giáo và Lão giáo là hai tôn giáo lớn đã ngự trị nguyên cả đại lục Trung Hoa và sự ảnh hưởng của hai tôn giáo này cũng rất sâu đậm trong dân chúng. Sau đó, Phật giáo từ Ấn Độ trực tiếp du nhập vào Trung Hoa bằng đường bộ sớm nhất và cũng đã gây được ảnh hưởng lớn lao trong đời sống người dân Trung Hoa và trải rộng trong lãnh vực văn chương. Trong đó có cuốn tiểu thuyết Kim Vân Kiều của Thanh Tâm Tài Nhân. Cụ Nguyễn Du nhân đọc cuốn tiểu thuyết này của Thanh Tâm Tài Nhân, thấy cuộc đời của nàng Kiều quá bi thương này chẳng khác nào hoàn cảnh của mình đang sống, nên dựa vào đó phỏng dịch ra truyện Kiều bằng thơ lục bát, lấy tên là Đoạn Trường Tân Thanh để gởi gắm tâm sự đau khổ của mình. Đó là tâm sự của kẻ bẽ tôi “trung thần bất sự nhị quân” và tâm sự của một trinh nữ “trinh nữ bất sự nhị phu”. Nguyễn Du là cụ thần nhà Lê mà phải ra làm quan cho nhà Nguyễn, chẳng khác nào nàng Kiều phụ ước với Kim Trọng bán mình cho Mã Giám Sinh để lấy tiền chuộc cha, nỗi đau khổ này không thể nào nguôi được. Chúng ta hãy nghe cụ Nguyễn Du thốt lên những tiếng kêu bi thương đứt ruột:

“Ôi! Kim lang, hỡi Kim lang!
Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây!”

Vậy thì Phật giáo đã ảnh hưởng như thế nào qua truyện Kiều? Tác giả Thanh Tâm Tài Nhân đã mượn thuyết nghiệp báo và thuyết nhân quả luân hồi của Phật giáo để chứng minh cho thuyết tài mệnh tương đố hay thuyết thiên mệnh của Nho giáo mà tác giả đã đưa ra làm luận đề cho cốt truyện. Theo thuyết

thiên mệnh thì ông trời rất ghen ghét những người có tài, nhất là khách má hồng có tài sắc hơn người thường và bắt họ phải chịu đọa đày đau khổ suốt đời:

“Trăm năm trong cõi người ta,
Chữ tài, chữ mệnh khéo là ghét nhau.”

Và:

“Lạ gì bi sắc, tư phong,
Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.”

THUYẾT NHÂN QUẢ NGHIỆP BÁO CỦA PHẬT GIÁO

Theo Phật giáo, chữ nghiệp dịch từ tiếng Phạn Karma, có nghĩa là những hành động tạo tác của con người, gồm có thân nghiệp, khẩu nghiệp, và ý nghiệp. Ngoài ra còn có biệt nghiệp là nghiệp riêng của từng người, cộng nghiệp là nghiệp chung của nhiều người. Nghiệp được xem như một sức hút trời buộc và thúc đẩy con người đi chịu khổ hay hưởng vui tùy theo nghiệp thiện hay nghiệp ác mà mình đã tạo ra. Nghiệp được xem như là nguyên nhân và sự báo ứng được xem là kết quả.

Theo thuyết nghiệp báo thì sự sống và chết chỉ là những hiện tượng biến đổi của một bản thể hay Phật tánh ở trong vạn vật mà thôi, chứ không hết hẳn. Cho nên trong truyện kiều có câu: “Thác là thể phách, còn là tinh anh.”

Phàm cái xác thân ngũ uẩn thì luôn luôn thay đổi có có, không không còn Phật tánh thì bất sanh bất diệt mà ta tạm gọi là tinh anh, tàng thức (A-lại-gia thức) hay người đời thường gọi là linh hồn của vạn vật, nó cứ luân lưu ẩn hiện theo cái lý nhân quả nhất định, tức là chết đi rồi tái sinh, tái sinh lại chết đi, chìm nổi lăn lộn mãi trong sáu nẻo luân hồi chịu khổ không bao giờ thoát ra được. Khi cái tàng thức ở trong một thể xác thoát ra là đeo lấy cái nghiệp. Cái nghiệp ấy là cái nhân đã tạo ra đời trước và sẽ hưởng lấy cái quả tốt hoặc xấu trong kiếp hiện tại và cái nhân tạo ra trong kiếp hiện tại sẽ là cái nghiệp mang lại kết quả cho kiếp sau, cứ thế tiếp tục mãi không ngừng. Cho nên trong kinh nhân quả có câu: “Dục tri tiền thể nhân, kim sanh thọ giả thị: dục tri lai thể quả, kim sanh tác giả thị.”. Nghĩa là muốn biết cái nhân ở kiếp trước thì xem sự hưởng thụ ở đời này; muốn biết cái quả kết thành ở kiếp sau, thì xem cái việc làm ở kiếp này.

Đó là nhân nào quả nấy và nhân quả với nghiệp thành ra như cái nợ mình vay, cứ vay vay, trả trả mãi không hết. Cái nghiệp thì cũng có cái nghiệp nặng, cái nghiệp nhẹ; mỗi cái nghiệp là quả của kiếp trước và lại làm cái nhân cho kiếp sau, rồi cứ mãi thế, trừ khi nào tu hành thấy được Phật tánh của mình thành Phật mới thôi.

Theo thuyết nhân quả nghiệp báo thì phàm việc phúc hay họa đều do tự mình gây ra cho mình hoàn toàn chịu trách nhiệm về những việc ấy, chứ không phải ông trời kia ban phước

giáng họa cho mình:

*“Đã mang lấy nghiệp vào thân,
Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.”*

Ngoài ra, nhân quả thì có tới ba đời: quá khứ, hiện tại và tương lai, nghĩa là có những nhân gieo từ nhiều kiếp trước đến kiếp này mới có kết quả; có những nhân gieo từ nhiều kiếp trước đến kiếp này mới có kết quả; có những nhân gieo trong kiếp này nhưng đợi mãi qua kiếp sau mới có kết quả. Như có người chuyên làm việc thiện ở kiếp này nhưng họ toàn gặp những việc xấu, đó là do nhân kiếp trước xấu họ đã tạo, nên kiếp này họ nhân lấy quả không tốt, còn kiếp này họ tạo nhân tốt chắc chắn kiếp sau họ sẽ hưởng quả vui không sai lạc. Ngược lại, một người kiếp này chuyên làm ác nhưng họ vẫn hưởng được quả vui, đó là do kiếp trước họ đã tạo được nhân lành và kiếp sau họ chịu quả báo xấu do kiếp này họ làm ác.

THUYẾT NHÂN QUẢ NGHIỆP BÁO CỦA PHẬT GIÁO TRONG TRUYỆN KIỀU

Thuyết nhân quả luân hồi nghiệp báo của nhà Phật là như thế. Dem thuyết ấy so với cuộc đời nàng Kiều thì không thấy chỗ nào sai cả.

Trước hết chúng ta thấy Kim Trọng tiền kiếp khéo tu, nên kiếp này được sanh vào một gia đình giàu có đẹp trai, khoẻ mạnh, thông minh, học giỏi, vui vẻ, lễ phép, nhã nhặn, nhiều người quý mến, thật là hiếm có ở đời:

*“Nguyên người quanh quất đầu xa,
Họ Kim tên Trọng vốn nhà trâm anh,
Nền phú hậu, bậc tài danh,
Văn chương nét đất, thông minh tính trời.
Phong lưu tài mạo tuyệt vời,
Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa.”*

Nhờ kiếp trước khéo tu, cho nên kiếp này Kim Trọng mới gặp được cô Kiều, một tuyệt sắc giai nhân, giỏi cả cầm, kỳ, thi, họa và cả hai cùng yêu nhau tha thiết trong buổi chiều du xuân tảo mộ tiết Thanh Minh: “Bên trong như đã, mặt ngoài còn e”. Chính chàng Kim không ngại nên đã thú thật với Kiều là mình nhờ kiếp trước có tu nhiều nên mới gặp được nàng ở kiếp này:

*“Kiếp tu xưa vì chưa dày,
Phúc nào nhắc được giá này cho ngang”.*

Rồi chàng và nàng trong một đêm trăng thề nguyện đính ước trọn đời chung sống bên nhau:

*“Vàng trăng vắng vạc, giữa trời,
Đình ninh hai miệng một lời song song.
Tóc tơ căn vặn tất lòng,
Trăm năm tạc một chữ đồng đến xương.”*

Theo Phật giáo thì trong một gia đình có một người biết tu hành thì cả nhà đều được hưởng phước lành, bởi vì khi ta càng cố gắng tu thì tự nhiên lòng từ bi của ta càng được phát sinh, càng tăng trưởng. Đó là ban vui cứu khổ cho người hay lấy nỗi khổ của người làm nỗi khổ của mình. Kim Trọng chắc kiếp trước tu nhiều nên kiếp này được cô Kiều thương yêu và nếu Kiều lấy Kim Trọng sẽ được hưởng phước của chồng sống trong cảnh giàu sang, vinh hiển, nở mặt mẹ cha. Mỗi tình của hai người thật đẹp, bỗng nhiên lại phải chia tay: “Chưa vui sum họp đã sầu chia tay.”

Kim Trọng phải về quê ở Liêu Dương để chịu tang cho chú và trước khi chia tay, một khúc ngoặc của định mệnh hai người đã mở ra, Kiều quả quyết nhắc lại lời thề:

*“Cùng nhau trót đã nặng lời,
Dẫu thay mái tóc, dăm đời lòng to!”*

Và:

*“Đã nguyện hai chữ đồng tâm,
Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai.”*

Từ lúc chia tay Kim Trọng về quê rồi biệt vô âm tín và sau nửa năm mới gặp lại gia đình nàng Kiều, nghe theo lời dặn của Kiều mới cưới Thúy Vân em Kiều, một cô gái đoan trang phúc hậu. Chàng Kim thật khéo tu có phước nên dù mất đi chị nhưng vẫn được em. Đó là tình chị duyên em vậy:

*“Vội vàng sắm sửa chọn ngày,
Duyên Vân sớm đã se dây cho chàng,
Người yếu điệu kẻ vẫn chương,
Trai tài gái sắc, xuân đương vừa thì.”*

Chàng Kim nhờ kiếp trước dày công tu hành, nên kiếp này mới được như thế. Còn người yêu của chàng là Thúy Kiều thì cuộc đời ra sao?

Nàng Kiều là con nhà tử tế, gia đình trung lưu, có nề nếp, tài sắc vẹn toàn, học hành thông minh, giỏi cả cầm, kỳ, thi, học, biết điều nhân nghĩa phải trái:

*“Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc, lại là phần hơn.
Làn thu thủy nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai...”*

Và:

*“Khúc nhà tay lựa nên chương,
Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân.”*

Cô Kiều có tài có sắc như vậy, thế mà ngay từ lúc bước chân vào đời nàng gặp toàn những đoạn trường, bất hạnh là tại làm sao? Đó là do cô đã tạo cái nghiệp má đào rất nặng ở trong tiền kiếp, cho nên cái tên cô đã nằm sẵn trong sổ đoạn trường

và vì vậy kiếp này sanh lên làm một người đa cảm đa tình, cho nên từ lời nói đến tiếng đàn đánh ra đều có cái giọng đau thương sâu khổ:

*“Anh hoa phát tiết ra ngoài,
Nghìn thu bạc mệnh một đời tài hoa.”*

Cái nghiệp đa cảm đa tình là cái mối vô hình, cái dây vô tướng thúc đẩy và lôi cuốn con người ta suốt đời sống chịu cảnh bất hạnh đoạn trường khó mà thoát ra được, đó là:

*“Ma đưa lối, quỷ dẫn đường,
Lại tìm những cảnh đoạn trường mà đi.”*

Kiều đa cảm nên trong lúc đi Thanh-Minh trông thấy mã Đạm Tiên thì động lòng thương xót, đứng lại hỏi cho ra lẽ rồi lân-la than khóc về nỗi hồng nhan bạc mệnh của cô ca kỹ xấu số:

*“Đau đớn thay phận đàn bà!
Lời rằng bạc mệnh cũng là lời chung.”*

Và:

*“Lại càng ủ dột nét hoa,
Sầu tuôn đứt nối, châu sa vẫn dài.”
“Vân rằng: Chị cũng mực cười,
Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa.”*

Và Kiêu cho rằng biết đâu mình cũng giống như Đạm Tiên sau này. Ngay lúc ấy Đạm Tiên hiển linh cho nàng thấy: “Hữu tình ta lại gặp ta,

*Chờ nề u-hiển, mới là chị em,
Đã lòng hiển hiện cho xem,
Tạ lòng, nàng lại nói thêm vài lời.”*

Kiều đa tình, cho nên mới vừa gặp Kim Trọng lần đầu mà đã thắm yêu dan díu mối tơ tình để về sau trong mười mấy năm trời nhớ thương sâu khổ:

*“Người đâu gặp gỡ làm chi,
Trăm năm biết có duyên gì hay không?”*

Theo phân tâm học, Kiêu bị ám ảnh về cuộc đời bạc mệnh của Đạm Tiên mà chạnh lòng khiếp sợ phận mình và trong giấc mơ Đạm Tiên về báo mộng cho Kiêu cũng đã có tên trong số đoạn trường:

*“Vâng trình hội chủ xem tường,
Mà xem trong sổ đoạn trường có tên,
Ấu đành quá kiếp nhân duyên,
Cũng người một hội, một thuyền đầu xa.”*

Việc Đạm Tiên về báo mộng cho Kiêu là cái khởi duyên cho cuộc đời của nàng về sau. Vì vậy nàng hết sức lo sợ buồn rầu khóc than và mẹ nàng biết chuyện mới tìm cách an ủi khuyên bảo nàng chớ nên tin vào mộng mị:

“Cứ trong mộng triệu mà suy,

*Phận con thôi có ra gì mai sau!”
Dạy rằng: mộng triệu chớ đâu,
Bồng không mua nãi chước sâu, nghĩ nao!”*

Việc tình duyên còn đang dang dở, vì Kim Trọng phải về quê chịu tang cho chú, việc nghĩa lại ập đến. Bồng dung cha mắc tụng đình cửa nhà tan nát. Thật là họa vô đơn chí, bao nhiêu phong ba bão táp cứ xoáy vào Kiêu khiến cho nàng đau khổ. Thế là trong vô thức, Kiêu cứ ám ảnh về điềm báo mộng của Đạm Tiên và cho rằng kiếp này của mình là kiếp “hồng nhan bạc mệnh”, kiếp “má hồng” nên quyết định bán mình lấy tiền chuộc cha:

*“Hạt mưa sá nghĩ phận hèn,
Liệu đem tác cỏ, quyết đền ba Xuân.”*

Và:

*“Thà rằng liều một thân con,
Hoa dù rã cánh lá còn cây xanh.”*

Chúng ta thấy rõ tấm lòng hiếu thảo của Kiêu và nàng càng cố sức vật lộn với cái số mạng bao nhiêu thì lại càng đau khổ bấy nhiêu, chẳng khác nào con cá trong chậu càng vẫy càng đau đớn thêm.

Đó là do cái nghiệp chướng trời buộc dẫn dắt Kiêu đi theo con đường đau khổ, bởi vậy nàng không gặp ai lại đi gặp Mã Giám Sinh, một tay sai của Tú Bà, chuyên đi mua gái nhà lành về bắt tiếp khách lấy tiền. Cái dây nghiệp chướng ấy cứ mỗi lúc một thắt chặt lại khiến cho con người không tài nào thoát ra được:

*“Chém cha cái kiếp ba đào,
Gỡ ra, rồi lại buộc vào như chơi!”*

Có người cho rằng việc bất hạnh của Kiêu chịu đau khổ trong mười lăm năm là do bọn bất lương trong một xã hội thối nát suy đồi gây ra hoặc là một sự ngẫu nhiên, chớ lấy gì để chứng minh cho là nghiệp duyên dẫn dắt?

Vậy sự ngẫu nhiên là gì? Đó chẳng qua khi ta trông thấy một điều gì mà không hiểu rõ căn duyên từ đâu thì gọi là ngẫu nhiên cho xong chuyện vậy thôi, chứ không phải là không có nghĩa gì cả. Còn bảo Kiêu bị đau khổ là do bọn bất lương trong xã hội thối nát phong kiến gây ra thì cũng không đúng lắm. Bởi lẽ trong một xã hội đạo đức luân lý suy đồi có nhiều cô gái bán mình lấy tiền chôn cha hoặc nuôi gia đình gặp con bực bách, nhưng họ đâu có bị như cô Kiêu gặp phải Mã Giám Sinh, Tú Bà, Sở Khanh, Bạc Hà, Bạc Hạnh, v.v... Trong chuyện Đường tòng thủ, nàng Lý Lý nhà nghèo tự nguyện bán mình đem thân cúng thần rắn để lấy tiền cứu cha mẹ, nhưng nàng giết được thần rắn và được vua Việt Vương cưới làm vợ.

Theo Phật giáo thì ở đời này không có cái gì không có cái nhân duyên mà cái nhân duyên ấy chính là cái nghiệp mình đã

tạo cho nên, mỗi con người là một kiếp sống triền miên. Khi chết là lúc con người tái sinh để đầu thai một kiếp khác. Trong Liêu Trai Chí Dị, xưa có một người mắc nợ người ta mà không trả được, sau chết đi đã tái sinh đầu thai làm trâu ngựa để trả nợ. Kiều cũng tưởng sẽ tái sinh đầu thai làm trâu ngựa để trả món nợ trúc mai, còn mỗi tình của nàng và Kim Trọng đành mang xuống tuyền đài vậy:

*‘Biết bao duyên nợ thế bồi,
Kiếp này thôi thế thì còn gì?
Tái sinh chưa chút hương thề,
Làm thân trâu ngựa đền bù trúc mai.
Nợ tình chưa trả cho ai,
Khỏi tình mang xuống tuyền đài chưa tan.’*

Sau khi Mã Giám Sinh mua Kiều về giao nộp cho mẹ Tú Bà ở Thanh-lâu, nàng thấy mình bị bán cho lâu xanh nên quyết định tự tử không chịu tiếp khách trước mặt Tú bà. Trong cơn mê man, Kiều mơ thấy Đạm Tiên đến khuyên Kiều ráng trả cái nghiệp má đào kiếp trước cho xong, việc nhân quả không thể nào trốn được. Hẹn gặp nhau ở sông Tiền Đường sau này:

*‘Ri rắng: Nhân quả dở dang,
Đã toan trốn nợ đoạn trường được sao!
Số còn nặng nghiệp má đào,
Người dù muốn quyết trời nào đã cho!’*

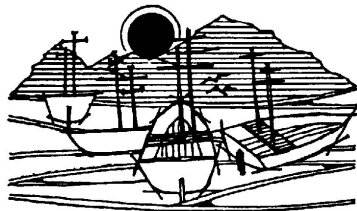
*Hãy xin hết kiếp liễu bỏ,
Sông Tiền Đường, sẽ hẹn hò về sau.’*

Khi Kiều tỉnh dậy, Tú Bà mới dỗ ngọt nàng và cho nàng ra ở lầu Ngưng Bích, hứa sẽ tìm nơi đàn hoàng gà Kiều nên duyên chồng vợ, nhưng mẹ lại âm thầm sai Sở Khanh đến gạt Kiều đi trốn và Kiều bị Tú Bà bắt lại, đánh đập buộc nàng tiếp khách. Ta hãy nghe Kiều thốt ra lời đau khổ biết dường nào:

*‘Thân lương bao quản lăm đầu,
Chút lòng trinh bạch từ sau cũng chừa.’*

Cái nghiệp đã định đến đâu mới hết thì cứ phải đi cho đến cùng chứ không sao trốn được. Kiều tin lời Đạm Tiên trong mộng, và cứ nghĩ mình kiếp trước vụng tu nên kiếp này phải trả cái kiếp hồng nhan bạc mệnh, phong trần:

*‘Tê vui cũng một kiếp người,
Hồng nhan cũng giống ở đời nữa ru.
Kiếp xưa đã vụng đường tu,
Kiếp này chẳng khéo đền bù mới xuôi.
Dấu sao bình đã lỡ rồi,
Lấy thân mà trả nợ đời cho xong.
(Còn 1 kỳ)*



Viếng Chùa Hương

*Văng cảnh chùa Hương buổi tiết Xuân
Tâm thành viếng Phật khách xa gần
Rừng mai khoe nét lung linh nắng
Thạch động uy nghi ngũ sắc vàng
Tiếng mõ xa xa đưa vọng lại
Chuông ngân chậm chậm lắng dư ngân
Lòng thanh tịnh niệm câu Bồ Tát
Kính cẩn Nam Mô rủa bụi trần*

Thảo Phạm

Hương vị Thiền Trà

*Trầm ngâm khói quyện chung trà
Tâm thành quán niệm câu A Di Đà
Rũ quên trần bụi Ta-Bà
Ý thân chuyên nhất buộc xa não phiền*

*Nâng trà thơm, nhớ nhân duyên
Từ tình khiết nước cội nguyên, thanh nguồn
Quyện hòa mầm lá xanh hương
Như đồng chung Pháp tựa nương “Niệm, Thiền”*

*Lắng nghe thầy bạn hàn huyền
Cặn trà đáy chén lặng im, lóng dần
Lòng thanh thoát nhẹ vô ngần
Chân thân tịnh mộng mê lâm, vô minh*

*Trà cùng nước hữu duyên sinh
Ta cùng tâm Phật, đoạn sinh tử lia...*

Thảo Phạm